TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 307/2019/QĐST-HNGĐ	*Phan Thiết, ngày 02 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

Với thành phần xét xử gồm có:

- Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Hòa

- Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bội Nhu

Ông Đỗ Văn Hòa

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 362/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1993

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1990.

Cùng nơi cư trú: Khu phố 05, phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Văn V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông bà khai có có 02 con chung Nguyễn Thị Hồng Q (nữ), sinh ngày 08/10/2010 và Nguyễn Lê Tuấn V (nam), sinh ngày 13/10/2013. Ông bà thỏa thuận giao 02 cháu Hồng Q và Tuấn V cho ông Nguyễn Văn V trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng, chăm sóc; bà B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi con 500.000 *(Năm trăm ngàn)* đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Văn V có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Bà B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thị B nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con. Ngày 12/6/2019 bà B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0027658 tại Chi cục thi hành án thành phố Phan Thiết, nay chuyển sang thành án phí. Bà B còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Phan Thiết;
- Chi cục thi hành án dân sự Tp Phan Thiết;
- Cơ quan đã thực hiện việc ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

VŨ THỊ THANH HÒA